

## ANNEX Ia: Access List for the 2009/10 UEFA Club Competitions

UEFA Champions League							Association		UEFA Europa League				
Group	Champions				Non Champions		Rank.	Association	Group	PO	Q3	Q2	Q1
	PO	Q3	Q2	Q1	PO	Q3							
TH									TH + UCL 10 teams (PO)	UCL 16 teams (Q3)			FP - 3 teams
CH RU N3					N4		1	England	CW	N5		N6	
CH RU N3					N4		2	Spain	CW	N5		N6	
CH RU N3					N4		3	Italy	CW	N5		N6	
CH RU					N3		4	France	CW	N4		N5	
CH RU					N3		5	Germany	CW	N4		N5	
CH RU					N3		6	Russia	CW	N4		N5	
CH						N3	7	Romania	CW	N3		N4	
CH						RU	8	Portugal	CW	N3		N4	
CH						RU	9	Netherlands	CW	N3		N4	
CH						RU	10	Scotland	CW		N3		N4
CH						RU	11	Turkey	CW		N3		N4
CH						RU	12	Ukraine	CW		N3		N4
						RU	13	Belgium	CW		N3		N4
						RU	14	Greece	CW		N3		N4
						RU	15	Czech Republic	CW		N3		N4
						CH	16	Switzerland		CW	RU		N3
						CH	17	Bulgaria		CW	RU		N3
						CH	18	Norway		CW	RU		N3
						CH	19	Denmark		CW		RU	N3
						CH	20	Austria		CW		RU	N3
						CH	21	Serbia		CW		RU	N3
						CH	22	Israel		CW		RU	N3
						CH	23	Sweden		CW		RU	N3
						CH	24	Slovakia		CW		RU	N3
						CH	25	Poland		CW		RU	N3
						CH	26	Hungary		CW		RU	N3
						CH	27	Croatia		CW		RU	N3
						CH	28	Cyprus			CW	RU	N3
						CH	29	Slovenia			CW	RU	N3
						CH	30	Finland			CW	RU	N3
						CH	31	Latvia			CW	RU	N3
						CH	32	Bosnia-Herzegovina			CW	RU	N3
						CH	33	Lithuania			CW	RU	N3
						CH	34	Moldova			CW	RU	N3
						CH	35	Republic of Ireland			CW		RU N3
						CH	36	F.Y.R. Macedonia			CW		RU N3
						CH	37	Iceland			CW		RU N3
						CH	38	Georgia			CW		RU N3
						CH	39	Liechtenstein			CW		RU N3
						CH	40	Belarus			CW		RU N3
						CH	41	Estonia			CW		RU N3
						CH	42	Azerbaijan			CW		RU N3
						CH	43	Albania			CW		RU N3
						CH	44	Armenia			CW		RU N3
						CH	45	Kazakhstan			CW		RU N3
						CH	46	Northern Ireland			CW		RU N3
						CH	47	Wales			CW		RU N3
						CH	48	Faroe Islands			CW		RU N3
						CH	49	Luxembourg			CW		RU N3
						CH	50	Malta			CW		RU N3
						CH	51	Montenegro			CW		RU N3
						CH	52	Andorra					CW
						CH	53	San Marino					CW
5 qualified							5 qualified		37 qualified				
Number of teams							Total		Number of teams				
22	0	3	31	6	5	10	237	11	39	30	55	50	

- TH = title-holder / tenant du titre / Titelhalter
- CH = domestic champion club / champion national / Landesmeister
- RU = domestic league runner-up / vice-champion national / Vizelandesmeister
- N3 = domestic league 3rd-placed club / 3e du championnat national / 3. der nationalen Meisterschaft
- N4 = domestic league 4th-placed club / 4e du championnat national / 4. der nationalen Meisterschaft
- N5 = domestic league 5th-placed club / 5e du championnat national / 5. der nationalen Meisterschaft
- N6 = domestic league 6th-placed club / 6e du championnat national / 6. der nationalen Meisterschaft
- CW = domestic cup-winner / vainqueur de coupe national / nationaler Pokalsieger
- FP = club qualified via Fair Play rankings / qualifié via classement du fair-play / Vereine aus Fairplay-Wertung
- Q = qualifying rounds / tours de qualification / Qualifikationsrunden
- PO = play-offs
- UCL = UEFA Champions League

N.B.: If the access list needs to be adjusted once all the participants are known and admitted, priority for the UEFA Europa League will be given to the winners of the domestic cups (in accordance with the entry stage as per the access list). The adjusted list will be announced by circular letter.